

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Quyết định số 1625/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đề án phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững giai đoạn 2021 đến 2025 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Kiên Giang, Quyết định số 3275/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 14/9/2022;

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Khai thác hiệu quả tiềm năng của tỉnh, xây dựng và phát triển ngành công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và hạ giá thành sản phẩm, giảm tỷ trọng nguyên liệu nhập khẩu trong chế biến thức ăn chăn nuôi, góp phần bình ổn, đáp ứng nhu cầu phát triển thức ăn chăn nuôi trong tỉnh, từng bước hướng đến xuất tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong chế biến các loại phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp, chế biến thực phẩm... làm thức ăn chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, nâng cao giá trị và hiệu quả kinh tế.

- Phát huy tối đa lợi thế về nguồn nguyên liệu tại địa phương, mở rộng một phần diện tích đất nông nghiệp sản xuất kém hiệu quả chuyển sang trồng cây cung cấp nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến thức ăn chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và hạn chế việc nhập khẩu.

- Sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp đến năm 2030 ước đạt 50.000-55.000 tấn/năm, đáp ứng từ 40 - 50% nhu cầu thức ăn chăn nuôi trong tỉnh.

- Góp phần quan trọng thực hiện đạt quy mô chăn nuôi, tổng đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của

UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đề án phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững giai đoạn 2021 đến 2025 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Kiên Giang, Quyết định số 3275/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 14/9/2022.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

- Tăng cường chuyên gia khoa học công nghệ về chế biến thức ăn chăn nuôi theo hình thức công nghiệp hóa; hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh việc đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến nguyên liệu thức ăn chăn nuôi từ các sản phẩm trồng trọt, phụ phẩm trong nông nghiệp, công nghiệp có sẵn tại địa phương.

- Quy hoạch, định hướng phát triển vùng nguyên liệu với diện tích đất sản xuất phù hợp với nhu cầu, tạo sản phẩm phục vụ công nghệ chế biến, sản xuất thức ăn chăn nuôi tại địa phương. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thâm canh, tăng năng suất trên cùng đơn vị diện tích các loại cây trồng làm nguyên liệu; đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ, quy trình sản xuất tiên tiến để nâng cao sản lượng.

- Hình thành 01 - 02 nhà máy sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi (thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gia súc, gia cầm kết hợp thức ăn cho thủy sản) tại một trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm nhà máy chế biến nông thủy sản của tỉnh.

2. Giải pháp

- Rà soát cơ chế, chính sách liên quan đến thu hút đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi theo hướng chuỗi giá trị gắn với vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của trung ương, của tỉnh; huy động vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, trong đó ưu tiên cho việc xây dựng chính sách khuyến khích và hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho các vùng nguyên liệu, nhà máy chế biến, bảo quản nguồn phụ phẩm nông, công nghiệp làm thức ăn chăn nuôi; chú trọng đầu tư hệ thống thủy lợi, phục vụ tưới tiêu; đường giao thông, vận chuyển nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, thu hút các tổ chức, doanh nghiệp có đủ nguồn lực, kinh nghiệm và khoa học

công nghệ đầu tư nhà máy chế biến, bảo quản nguyên liệu, sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh tại vùng nguyên liệu tập trung; tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, tạo động lực và điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển lĩnh vực công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi. Ưu tiên thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư sử dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào sản xuất thức ăn chăn nuôi và phát triển nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.

- Tăng cường nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước chuyên ngành chăn nuôi đảm bảo thực thi pháp luật về chăn nuôi hiệu quả; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hành chính và quản lý các lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi đáp ứng yêu cầu thực tiễn, xu thế phát triển ngành chăn nuôi trong thời kỳ mới. Hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền, cung cấp thông tin tài liệu kỹ thuật, hỗ trợ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ về chế biến nguyên liệu và sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp.

III. CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN

1. Phát triển vùng sản xuất nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi.
2. Phát triển công nghiệp sản xuất, chế biến, bảo quản nguồn phụ phẩm nông, công nghiệp làm thức ăn chăn nuôi.
3. Dự án xây dựng nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm nhà máy chế biến nông thủy sản của tỉnh (Khu công nghiệp Thanh Lộc, huyện Châu Thành; Khu công nghiệp Thuận Yên, thành phố Hà Tiên,...).

Danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên: 03 nhiệm vụ, dự án (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Huy động đa dạng nguồn vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng, chi thường xuyên...) theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành, bảo đảm đúng quy định.

- Kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án đầu tư công giai đoạn 2025 - 2030 bảo đảm đúng quy định.

- Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước.

- Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan đầu mối phối hợp các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, cơ quan liên quan thực hiện Kế hoạch; tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện đạt các mục tiêu Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đề án Phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững giai đoạn 2021 đến 2025 và định hướng đến năm 2030, Quyết định số 3275/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 14/9/2022. Trong đó, bao gồm mục tiêu về công nghiệp thức ăn chăn nuôi.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành rà soát, áp dụng các chính sách có liên quan để làm nguồn lực triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong đó ưu tiên cho việc áp dụng chính sách khuyến khích và hỗ trợ ứng dụng cơ giới hóa; đồng bộ thu gom, bảo quản và áp dụng công nghệ phù hợp trong chế biến phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp làm thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản khác có liên quan.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định và trong khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển các dự án thuộc Kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định khác của pháp luật.

- Hỗ trợ mời gọi, hướng dẫn các doanh nghiệp tham gia hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả phương án để bảo quản, chế biến các loại phụ phẩm làm thức ăn chăn nuôi thuộc phạm vi và chức năng quản lý của ngành trên địa bàn tỉnh khi được Bộ Công Thương phê duyệt nhằm cung cấp nguyên liệu cho thức ăn chăn nuôi và đảm bảo nguồn cung thức ăn chăn nuôi cho thị trường trong tỉnh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đề xuất đặt hàng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh đăng ký bảo hộ nhãn hiệu cho các sản phẩm thức ăn chăn nuôi sản xuất trong tỉnh.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp sản xuất nguyên liệu, thức ăn bổ sung, nhất là công nghệ sinh học nhằm đáp ứng đủ các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh, hóa chất dùng trong chăn nuôi và tận thu, nâng cao giá trị dinh dưỡng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp trong tỉnh như: bã men bia, bã dứa, phụ phẩm lò mổ, vỏ đầu tôm, cá tạp,...

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp trong việc lập hồ sơ giao, cho thuê đất để xây dựng nhà máy theo quy định của Luật Đất đai; các thủ tục pháp lý về môi trường; các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Căn cứ nội dung Kế hoạch, điều kiện thực tiễn của địa phương triển khai, xây dựng Kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu trên địa bàn; ưu tiên phát triển các giống cây trồng có năng suất cao phục vụ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến thức ăn gia súc, gia cầm.

- Thí điểm chọn một số diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả chuyển sang trồng cây thức ăn gia súc để phục vụ phát triển chăn nuôi đại gia súc ở vùng Tứ giác Long Xuyên.

- Bố trí kinh phí hàng năm từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Kế hoạch tại địa phương. Trong đó tập trung vào hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu; hỗ trợ vật tư, máy móc phục vụ việc thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, thu gom phụ phẩm nông nghiệp phục vụ cho chăn nuôi gia súc.

- Các huyện có khu công nghiệp chế biến, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các dự án do ngân sách Trung ương đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi; xây dựng kế hoạch quản lý môi trường, kiểm soát chất thải từ các hoạt động của nhà máy bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tăng cường công tác truyền thông đến toàn thể người dân được biết và phối hợp triển khai hiệu quả các nội dung của Kế hoạch trên phạm vi địa phương.

- Tuyên truyền, vận động đến các tổ chức, cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, doanh nghiệp nước ngoài tham gia đầu tư phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi.

8. Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện

- Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và cơ quan liên quan để thực hiện Đề án; huy động nguồn vốn để tham gia các dự án ưu tiên của Kế hoạch.

- Kịp thời phản ánh những tồn tại bất cập đến các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, UBND tỉnh yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình UBND tỉnh tháo gỡ./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Cục Chăn nuôi;
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, Phòng KT;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, nvphuong.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Nhàn

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN VÀ DỰ KIẾN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
01	Phát triển công nghiệp sản xuất, chế biến, bảo quản nguồn phụ phẩm nông, công nghiệp làm thức ăn chăn nuôi	Tận dụng tối đa và nâng cao giá trị sử dụng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi góp phần giảm tỷ trọng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các huyện, thành phố; doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi.	Vốn lồng ghép	Hàng năm
02	Phát triển vùng sản xuất nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi	Chủ động được một phần nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trong tỉnh	UBND các huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường; doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi.	Vốn lồng ghép	Hàng năm

STT	Nội dung	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
03	Dự án xây dựng 01-02 nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại các khu công nghiệp của tỉnh, công suất ước đạt 50.000 - 55.000 tấn/năm.	Tận dụng các sản phẩm phụ trong nông, công nghiệp, hạ giá thành sản phẩm, đáp ứng khoảng 50% tổng nhu cầu thức ăn chăn nuôi trong tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện, sở, ngành có liên quan	Vốn hỗ trợ từ các chính sách và huy động từ các tổ chức cá nhân	Giai đoạn 2024 - 2030